

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-PT
Ngày 20/02/2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn;

Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ;

Địa chỉ cư trú: Số 857, đường T, khóm 1, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Tuấn H; địa chỉ cư trú: Số 03, đường N, khóm 3, Phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 06/02/2023). (có mặt)

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng H);

Địa chỉ trụ sở trước đây: Lô C, đường N2, Khu công nghiệp A, ấp Ph, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ trụ sở hiện nay: Số 1, đường số 2, Khu dân cư thương mại L, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn Q; địa chỉ cư trú: Số 25/28, đường L, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 15/02/2023). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu T;

Địa chỉ cư trú: Số 406, Quốc lộ 1, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Q; địa chỉ cư trú: Số 28/28, đường L, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (văn bản ủy quyền ngày 24/10/2016). (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng H) - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Vào ngày 01/9/2014, ông Đ và đại diện chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (gọi tắt Công ty) là ông Nguyễn Hữu T có ký hợp đồng sang nhượng máy móc, thiết bị công nghiệp. Theo nội dung hợp đồng, Công ty chuyển nhượng cho ông các thiết bị sau đây :

Khuôn ống K1000: 02 cái x 60.000.000 đồng/cái = 120.000.000 đồng;

Khuôn ống K800: 06 cái x 50.000.000 đồng/cái = 300.000.000 đồng;

Khuôn ống K600: 03 cái x 40.000.000 đồng/cái = 120.000.000 đồng;

Khuôn ống K400: 04 cái x 35.000.000 đồng/cái = 140.000.000 đồng;

Khuôn ống K300: 02 cái x 30.000.000 đồng/cái = 60.000.000 đồng;

Cầu trục dầm đôi (loại ngang 18m): 02 bộ x 250.000.000 đồng/bộ = 500.000.000 đồng;

Trạm trộn bê tông tươi (loại 60m³/h): Giá mua 850.000.000 đồng + tiền vận chuyển 50.000.000 đồng = 900.000.000 đồng;

Xe xúc lật (cũ): 01 xe x 112.265.000 đồng = 112.265.000 đồng;

Tổng cộng 2.252.265.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, ông Đ đã trả đủ tiền cho Công ty. Để tạo điều kiện cho Công ty, ông Đ và chủ sở hữu Công ty có thỏa thuận ông Đ cho Công ty sử dụng toàn bộ các thiết bị, máy móc trên trong vòng 01 năm (từ ngày 01/9/2014 - 01/8/2015). Khi hết hạn cho mượn, ông Đ thông báo nhiều lần cho Công ty sắp xếp để ông Đ nhận lại thiết bị nhưng phía Công ty không thực hiện giao trả. Đến ngày 13/02/2016, ông Đ có đến lấy 01 máy xúc lật, số còn lại đến nay Công ty vẫn chưa giao trả.

Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải giao trả số tài sản đã chuyển nhượng nêu trên (trừ máy xúc lật).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty hoàn trả tài sản nêu trên trị giá bằng tiền tổng cộng là 2.140.000.000 đồng (gồm khuôn ống K1000: 02 cái x 60.000.000 đồng/cái = 120.000.000 đồng; khuôn ống K800: 06 cái x 50.000.000 đồng/cái = 300.000.000 đồng; khuôn ống K600: 03 cái x 40.000.000 đồng/cái = 120.000.000 đồng; khuôn ống K400: 04 cái x 35.000.000 đồng/cái = 140.000.000 đồng; khuôn ống K300: 02 cái x 30.000.000 đồng/cái = 60.000.000 đồng; cầu trục dầm đôi (loại ngang 18m): 02 bộ x 250.000.000 đồng/bộ = 500.000.000 đồng và trạm trộn bê tông tươi (loại 60m³/h): Giá mua 850.000.000 đồng + tiền vận chuyển 50.000.000 đồng = 900.000.000 đồng), do Công ty sử dụng tài sản quá lâu, tài sản xuống cấp, hư hỏng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T là ông Hoàng Văn Q trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H được thành lập dựa trên phần vốn của 03 thành viên gồm ông Nguyễn Hữu T có phần vốn 80%, ông Nguyễn Hữu Đ 15% và bà Nguyễn Thị Bích H 05%. Do ông Đ muốn rút vốn khỏi Công ty nên ông T mới đại diện Công ty ký Hợp đồng sang nhượng máy móc, thiết bị công nghiệp với ông Đ vào ngày 01/9/2014, đây là hợp đồng nhằm mục đích để Công ty thối vốn trả cho ông Đ ra khỏi Công ty chứ không phải là hợp đồng sang nhượng mua bán máy móc, thiết bị công nghiệp thông thường như ông Đ trình bày. Nay ông Đ yêu cầu Công ty trả các tài sản, máy móc, thiết bị công nghiệp nêu trên trị giá bằng tiền tổng cộng 2.140.000.000 đồng, Công ty không có khả năng trả.

Tại Bản án số 46/2022/DS-ST ngày 22/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 229, Điều 147, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, khoản 1 Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H trả cho ông Nguyễn Hữu Đ 02 cái khuôn ống K1000, 06 cái khuôn ống K800, 03 cái khuôn ống K600, 04 cái khuôn ống K400, 02 cái khuôn ống K300, 02 bộ cầu trục dầm đôi (loại ngang 18m) và 01 trạm trộn bê tông tươi (loại 60m³/h) trị giá bằng tiền tổng cộng là 2.140.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng). Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Hữu Đ thì hàng tháng, Công ty trách nhiệm hữu hạn H còn phải trả lãi cho ông Nguyễn Hữu Đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối

với số tiền chậm thi hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Đến ngày 05/10/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ đòi lại các khuôn đúc cống (bằng hiện vật) trị giá tổng cộng 1.850.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của ông Đ không rút lại đơn khởi kiện, người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H, đã đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng H: Đơn kháng cáo của Công ty đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H, nay đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng H (sau đây gọi tắt là Công ty), Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H đều thừa vào nhận vào ngày 01/9/2014, hai bên có ký kết Hợp đồng sang nhượng máy móc - thiết bị công nghiệp. Tuy nhiên, theo nội dung hợp đồng do các bên cung cấp lại có sự khác nhau. Đối với Hợp đồng sang nhượng máy móc - thiết bị do ông Đ cung cấp (có 02 trang) thể hiện bên Công ty chuyển nhượng cho ông Đ các thiết bị, máy móc gồm: Khuôn ống K1000: 02 cái x 60.000.000 đồng/cái = 120.000.000 đồng; Khuôn ống K800: 06 cái x 50.000.000 đồng/cái = 300.000.000 đồng;

Khuôn ống K600: 03 cái x 40.000.000 đồng/cái = 120.000.000 đồng; Khuôn ống K400: 04 cái x 35.000.000 đồng/cái = 140.000.000 đồng; Khuôn ống K300: 02 cái x 30.000.000 đồng/cái = 60.000.000 đồng; Cầu trục dầm đôi (loại ngang 18m): 02 bộ x 250.000.000 đồng/bộ = 500.000.000 đồng; Trạm trộn bê tông tươi (loại 60m³/h): Giá mua 850.000.000 đồng + tiền vận chuyển 50.000.000 đồng = 900.000.000 đồng; Xe xúc lật (cũ): 01 xe x 112.265.000 đồng = 112.265.000 đồng; Tổng cộng 2.252.265.000 đồng (bút lục 11 - 12). Đối với Hợp đồng sang nhượng máy móc - thiết bị do Công ty cung cấp (cũng có 02 trang) thể hiện bên Công ty chuyển nhượng cho ông Đ các thiết bị, máy móc gồm: Khuôn ống K1000: 02 cái x 150.000.000 đồng/cái = 300.000.000 đồng; Khuôn ống K800: 06 cái x 120.000.000 đồng/cái = 720.000.000 đồng; Khuôn ống K600: 03 cái x 100.000.000 đồng/cái = 300.000.000 đồng; Khuôn ống K400: 04 cái x 80.000.000 đồng/cái = 320.000.000 đồng; Khuôn ống K300: 03 cái x 70.000.000 đồng/cái = 210.000.000 đồng; Xe xúc lật (cũ): 01 xe x 402.265.000 đồng = 402.265.000 đồng; Tổng cộng là 2.252.265.000 đồng (bút lục 21 - 22).

[4] Theo yêu cầu của ông Đ, cấp sơ thẩm đã quyết định trưng cầu giám định chữ đánh máy vi tính của 02 hợp đồng nêu trên. Theo Kết luận giám định số 3060/KL-KTHS ngày 01/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 382) thì trang 02 của hợp đồng do Công ty cung cấp so với trang 01, 02 của hợp đồng do ông Đ cung cấp là có cùng một kiểu chữ, còn trang 01 của hợp đồng do Công ty cung cấp so với trang 02 của hợp đồng do Công ty cung cấp và trang 01, 02 của hợp đồng do ông Đ cung cấp là không cùng kiểu chữ. Do đó có căn cứ xác định hợp đồng sang nhượng máy móc - thiết bị do ông Đ cung cấp là có thật, nội dung đúng với thực tế.

[5] Các bên đều thừa nhận vào ngày 13/3/2021, ông Đ đã lấy 01 xe xúc lật, còn các thiết bị, máy móc còn lại đến nay Công ty chưa giao trả. Theo Điều II của Hợp đồng, hợp đồng có giá trị trong thời hạn 01 năm (từ ngày 01/9/2014 đến hết ngày 01/8/2015), bên Công ty được phép sử dụng tiếp tục các thiết bị, máy móc đã sang nhượng nhưng phải có trách nhiệm đảm bảo không bị xuống cấp, hư hỏng mất mát, nếu hư hỏng, mất mát phải sửa chữa, bồi hoàn trước khi bàn giao. Như vậy, từ năm 2015 đến nay, Công ty vẫn không giao trả được tài sản cho ông Đ. Từ đó, Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Đ, buộc Công ty trả cho ông Đ bằng giá trị tài sản theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng với số tiền tổng cộng 2.140.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 166, Điều 356 Bộ luật Dân sự năm 2015 và đảm bảo quyền lợi của ông Đ.

[6] Người đại diện hợp pháp của Công ty tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty trả bằng hiện vật, tại phiên tòa sơ thẩm thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty trả bằng giá trị là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu là không đúng. Việc thay đổi yêu cầu này vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu.

[7] Từ những phân tích trên cho thấy, Cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ do ông Đ, cũng như của Công ty cung cấp. Trong giai đoạn phúc thẩm, Công ty cũng không cung cấp được tài liệu, chứng

cứ gì mới. Do đó, Công ty kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ đòi lại các khuôn đúc công (bằng hiện vật) trị giá tổng cộng 1.850.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty là người kháng cáo không được chấp nhận và cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H) trả cho ông Nguyễn Hữu Đ 02 cái khuôn ống K1000, 06 cái khuôn ống K800, 03 cái khuôn ống K600, 04 cái khuôn ống K400, 02 cái khuôn ống K300, 02 bộ cầu trục dầm đôi (loại ngang 18m) và 01 trạm trộn bê tông tươi (loại 60m³/h) trị giá bằng tiền tổng cộng là 2.140.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Hữu Đ thì hàng tháng, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H) còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H) phải chịu là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Hữu Đ đã nộp tạm ứng trước số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) nên Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H) phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu Đ số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hữu Đ không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.400.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002041 ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H) phải chịu là 74.800.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H) phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005681 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng H (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H) đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Lâm